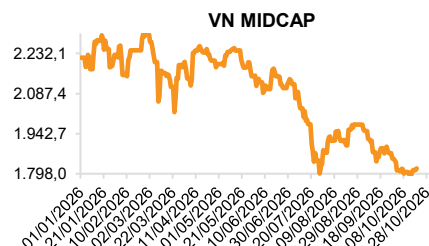
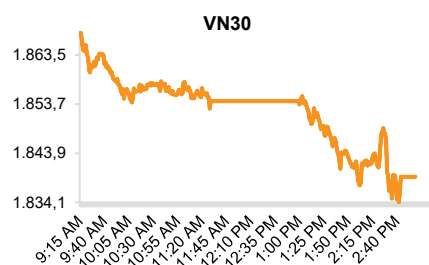
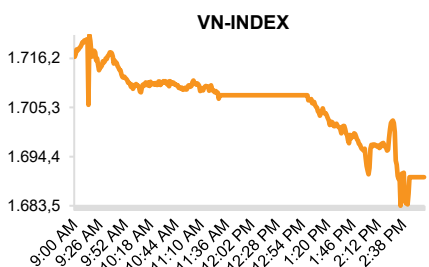


KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn



Hình 1: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.689,8	257,9	125,0
1 ngày (%)	-0,9	-0,5	0,1
1 tháng (%)	-6,9	-6,3	-1,1
Từ 2026	-5,3	3,7	3,3
1 năm (%)	-2,4	-6,6	11,0
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	318	16	26
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VND)	0,5	0,5	0,3
Số mã tăng	161	64	115
Số mã giảm	134	59	105
Số mã tham chiếu	111	170	507

Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Thị trường chứng khoán

VN-Index giảm 0,9%, VIC gây áp lực lớn lên chỉ số

Phiên giao dịch ngày 19/10/2026 ghi nhận VN-Index giảm 16,1 điểm (-0,9%) xuống 1.689,8 điểm. Chỉ số suy yếu về cuối phiên, trong đó VIC là cổ phiếu gây áp lực lớn nhất, tiếp theo là VHM và VCB, trong khi BSR, VPL và MSN đóng góp tích cực. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 153 mã tăng, trong đó chín mã tăng trần, 75 mã đứng giá và 131 mã giảm, gồm hai mã giảm sàn. HNX-Index giảm 1,2 điểm (-0,5%) xuống 257,9 điểm.

VN30 giảm 16,2 điểm (-0,9%) xuống 1.839,2 điểm, với 11 mã tăng, một mã đứng giá và 18 mã giảm. VN100 giảm 12,5 điểm (-0,7%) xuống 1.739,1 điểm, với 47 mã tăng, tám mã đứng giá và 43 mã giảm.

Xét theo ngành, 10/19 ngành tăng điểm, trong khi chín ngành giảm. Bất động sản giảm mạnh nhất 2,5%, tiếp theo là Công nghệ (-2,0%), Bảo hiểm (-1,2%) và Ngân hàng (-0,8%). Ở chiều ngược lại, Dầu khí tăng 1,3%, Ô tô & Phụ tùng tăng 0,7%, Du lịch & Giải trí tăng 0,7% và Dịch vụ tài chính tăng 0,6%.

Thanh khoản khớp lệnh HoSE đạt 11,3 nghìn tỷ đồng, tăng 14,2% so với phiên trước. Khối ngoại bán ròng 799,5 tỷ đồng, tập trung tại VCB (103,7 tỷ đồng), VHM (101,8 tỷ đồng), ACB (92,8 tỷ đồng), VJC (72,3 tỷ đồng) và FPT (42,1 tỷ đồng). Ở chiều mua ròng, FRT dẫn đầu với 151,0 tỷ đồng, tiếp theo là MBB (55,2 tỷ đồng), BVH (38,7 tỷ đồng), TCB (26,4 tỷ đồng) và SSI (24,8 tỷ đồng).

Chúng tôi khuyến nghị: 1) **Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng cổ phiếu cao:** Nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng an toàn, rà soát các cổ phiếu suy yếu và hạn chế sử dụng đòn bẩy khi VN-Index lùi về vùng 1.680–1.700 điểm; 2) **Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng tiền mặt cao:** Nhà đầu tư nên tiếp tục quan sát diễn biến quanh vùng 1.680–1.700 điểm và chỉ giải ngân từng phần khi thị trường ổn định hơn, ưu tiên các cổ phiếu duy trì diễn biến giá tích cực.

Hình 2: DIỄN BIẾN NGÀNH

Ngành	Tỷ trọng	P/E	P/B	Thay đổi (%)				
				1D	1M	YTD	1Y	KL
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	5,2	26,3	3,2	0,8	-0,8	-14,6	-7,1	31,2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7,3	19,2	4,9	0,2	-1,1	-12,5	-8,6	30,7
Năng lượng	2,7	9,5	1,8	1,3	-4,0	55,1	52,6	-33,3
Tài chính	37,2	10,4	1,5	-0,6	-3,6	-5,1	-10,0	51,8
Chăm sóc sức khỏe	0,4	13,8	2,5	0,6	2,1	-11,1	-4,2	22,6
Công nghiệp	6,5	23,8	3,1	0,3	0,0	-14,6	-18,0	44,5
Công nghệ thông tin	1,5	10,8	2,6	-1,5	-11,5	-30,5	-25,8	5,1
Vật liệu xây dựng	5,5	13,1	1,5	-0,4	-2,4	-2,4	-6,4	42,9
Bất động sản	29,7	53,3	6,7	-2,6	-13,4	10,4	64,4	-8,4
Dịch vụ tiện ích	3,9	13,0	2,2	0,6	-7,9	3,3	17,9	39,2

Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- **Thế giới:** Giá dầu Brent giảm 2,1% xuống 107,6 USD/thùng, rút khỏi đỉnh cao nhất 5 tháng. Đà giảm đến từ động thái chốt lời sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump ký sắc lệnh miễn trừ các biện pháp trừng phạt và thuế quan đối với nhiên liệu Nga theo Đạo luật Graham.
- **Mỹ/Fed:** Thâm hụt ngân sách Mỹ năm tài chính 2026 chạm mốc gần 2 nghìn tỷ USD, tương đương 6,2% GDP (tăng từ 5,8% năm 2025), đây là mức thâm hụt lớn nhất 5 năm qua và lớn thứ ba trong lịch sử Mỹ. Nguyên nhân chính đến từ chi phí trả lãi nợ công tăng kỷ lục 12% lên 1,36 nghìn tỷ USD khi tổng nợ quốc gia vượt mốc 40 nghìn tỷ USD, cùng với sự gia tăng chi tiêu cho an sinh xã hội và quốc phòng. Bên cạnh đó, nguồn thu từ thuế quan ròng giảm mạnh do Chính phủ Mỹ phải hoàn trả 145 tỷ USD tiền thuế theo phán quyết của Tòa án Tối cao.
- **Trung Quốc:** Khảo sát của Reuters cho thấy Trung Quốc dự kiến giữ nguyên lãi suất cho vay cơ sở (LPR) tháng thứ 17 liên tiếp trong đợt điều chỉnh vào ngày 20/10/2026, sau khi GDP quý 3/2026 đạt 4,5% YoY (vượt dự báo 4,4% YoY). Tất cả 22 chuyên gia tham gia khảo sát đều dự báo LPR kỳ hạn 1 năm và 5 năm sẽ duy trì ở mức lần lượt 3% và 3,5%. Tăng trưởng xuất khẩu vọt lên giúp giảm áp lực tung thêm các gói kích thích kinh tế ngắn hạn để đạt mục tiêu tăng trưởng 4,5%-5% cho cả năm 2026. Tuy nhiên, giá nhà mới trong tháng 9/2026 tiếp tục sụt giảm, kéo dài đà suy thoái hơn ba năm qua của thị trường bất động sản.
- **Nhật Bản** Đại diện IMF đánh giá BOJ đi đúng hướng khi bình thường hóa chính sách tiền tệ và có thể phải đẩy nhanh tốc độ tăng lãi suất nếu lạm phát vượt dự báo. Đồng JPY yếu làm tăng chi phí nhập khẩu đã thúc đẩy BOJ nâng lãi suất lên 1,25% vào tháng 9/2026 (mức cao nhất 31 năm).
- **EU:** Đợt bán tháo trái phiếu toàn cầu khiến lợi suất tăng vọt, đẩy chi phí vay vốn tại Eurozone lên cao và gián tiếp kìm hãm sự gia tăng của lạm phát. Dù tăng trưởng kinh tế chịu sức ép, ECB đã tăng lãi suất hai lần trong 4 tháng qua và dự kiến sẽ tiếp tục nâng lên mức 2,75% vào tháng 12/2026. Giới chức ngân hàng trung ương khẳng định cuộc chiến chống lạm phát vẫn chưa kết thúc và sẵn sàng thắt chặt thêm chính sách tiền tệ nếu xuất hiện đợt tăng giá dây chuyền.

Tin vĩ mô trong nước

- Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Phạm Đức Ân chủ trì cuộc họp với 46 ngân hàng thương mại, yêu cầu thực hiện Văn bản số 608 để giảm lãi suất tiền gửi và cho vay nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế nhưng vẫn bảo đảm an toàn hệ thống. NHNN yêu cầu các tổ chức tín dụng giảm tối thiểu 0,5% mỗi năm đối với lãi suất tiền gửi kỳ hạn từ 6 tháng trở lên và giảm 1,5%-2% mỗi năm lãi suất cho vay đối với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và ưu tiên. Các TCTD không chấp hành chỉ đạo lãi suất hoặc cạnh tranh không lành mạnh có thể bị cắt giảm chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2026, giao room thấp năm 2027 và chịu tỷ lệ an toàn cao hơn quy định.
- Trong tuần 12-16/10, NHNN đã bơm ròng gần 8,2 nghìn tỷ đồng qua OMO, qua đó giúp áp lực thanh khoản hệ thống giảm dần. Tổng lượng lưu hành giấy tờ có giá giảm về khoảng 105 nghìn tỷ đồng vào ngày 16/10, giảm một nửa so với cuối tháng 8. Cùng với đó, lãi suất qua đêm giảm từ mức 4,75% xuống 3,1% vào ngày 15/10.
- Ngày 18/10/2026, Thường trực Ủy ban Pháp luật và Tư pháp thẩm tra dự án Luật Nhà ở (sửa đổi) gồm 13 chương, 130 điều (giảm 66 điều so với Luật Nhà ở năm 2023). Dự thảo bổ sung một chương riêng về nhà cho thuê với quy định giá thuê do chủ đầu tư thỏa thuận nhưng không vượt khung giá của UBND cấp tỉnh, đồng thời điều chỉnh quy định về nghĩa vụ phát triển nhà ở xã hội của chủ đầu tư dự án thương mại.

- Ngày 18/10/2026, tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ Công Thương Lê Mạnh Hùng cùng đại diện bốn nước thành viên EFTA chính thức ký kết Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EFTA (VEFTA) sau 14 năm đàm phán với 21 phiên làm việc.
- Tại Diễn đàn Kinh tế Thụy Sĩ - Việt Nam 2026 ở Hà Nội sau lễ ký kết Hiệp định VEFTA, Tổng thống Thụy Sĩ Guy Parmelin đánh giá hai nước còn nhiều dư địa hợp tác trong các lĩnh vực sản xuất tiên tiến, khoa học sự sống, cơ sở hạ tầng bền vững và chuyển đổi số. Năm 2025, kim ngạch thương mại song phương đạt gần 3,5 tỷ USD (tăng khoảng 20% svck) và vốn FDI của Thụy Sĩ tại Việt Nam năm 2024 đạt khoảng 1,8 tỷ USD (tăng 14% svck).

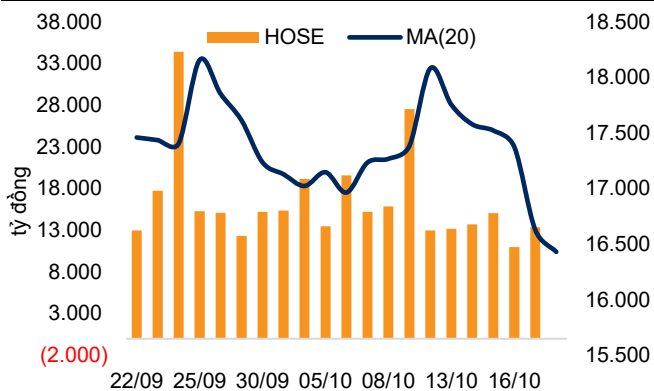
Tin ngành và doanh nghiệp

- VIC:** Vingroup công bố chính sách hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp phụ trợ Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng của Tập đoàn, gồm ưu đãi tới 50% phí thuê mặt bằng nhà xưởng, cam kết đầu ra dài hạn, hỗ trợ kết nối và nâng cao năng lực sản xuất, nhằm thúc đẩy nội địa hóa và phát triển công nghiệp hỗ trợ.
- PHR:** Cao su Phước Hòa ghi nhận lợi nhuận trước thuế 9 tháng đầu năm 2026 đạt khoảng 1,1 nghìn tỷ đồng, gấp 2,7 lần svck; lợi nhuận sau thuế đạt 882 tỷ đồng, gấp 2,5 lần svck. Công ty kỳ vọng lợi nhuận trước thuế cả năm khoảng 2,0 nghìn tỷ đồng và dự kiến ghi nhận thêm khoảng 1,0 nghìn tỷ đồng tiền đền bù đất trong quý IV, nâng tổng thu nhập đền bù đất năm 2026 lên khoảng 1,7 nghìn tỷ đồng.
- VPB:** VPBank ghi nhận lợi nhuận trước thuế hợp nhất 9 tháng đầu năm 2026 gần 30,0 nghìn tỷ đồng, tăng gần 47,0% svck, hoàn thành khoảng 72,4% kế hoạch năm. Tổng thu nhập hoạt động đạt gần 65,5 nghìn tỷ đồng, tăng 25,3% svck; tổng tài sản vượt 1.600 nghìn tỷ đồng, tăng 27,8% so với cuối năm 2025. Riêng quý III, lợi nhuận trước thuế đạt hơn 11,0 nghìn tỷ đồng.
- DGC:** Hóa chất Đức Giang điều chỉnh tiến độ Dự án số 1 thuộc Tổ hợp Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn. Trong đó, dự kiến hoàn thành lắp đặt thiết bị và chạy thử trong quý IV/2026, đưa một số phân xưởng vào vận hành cùng kỳ và vận hành thương mại toàn bộ từ quý I/2027, muộn hơn kế hoạch trước. Công ty bổ sung 3 sản phẩm mới và nâng danh mục lên 4 hợp chất với tổng công suất tối đa 10.000 tấn/năm theo quy đổi.
- DPM:** Hai sản phẩm Đạm Phú Mỹ và NPK Phú Mỹ của PVFCCo được vinh danh trong Top sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2026, lần thứ 7 liên tiếp doanh nghiệp đạt danh hiệu kể từ lần đầu tham gia năm 2014.
- PHC:** Phục Hưng Holdings dự kiến chi khoảng 25,4 tỷ đồng trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt, tỷ lệ 5,0% (500 đồng/cổ phiếu), thanh toán dự kiến ngày 16/11/2026. Trong 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần đạt hơn 1,0 nghìn tỷ đồng, tăng 99,0% svck; lợi nhuận sau thuế đạt hơn 8,5 tỷ đồng, gấp hơn 3,5 lần svck.
- HAH:** Vận tải và Xếp dỡ Hải An thông qua kế hoạch đầu tư tối đa 70,0 triệu USD (hơn 1,8 nghìn tỷ đồng) để đóng mới 2 tàu container, dự kiến dùng vốn vay từ các tổ chức tín dụng và nguồn khác.

Lịch dữ liệu vĩ mô dự kiến trong tuần

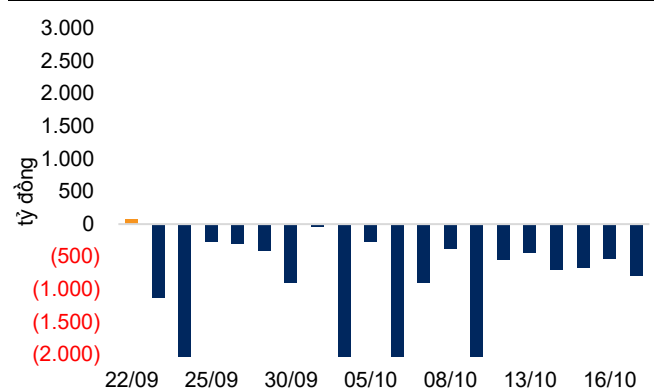
Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai, 19/10/2026	Trung Quốc	Các số liệu vĩ mô tháng 9 và Q3.2026
Thứ Ba, 20/10/2026	Trung Quốc	Cuộc họp chính sách và quyết định lãi suất kỳ họp tháng 10.2026 của Ngân hàng trung ương Trung Quốc
Thứ Tư, 21/10/2026	Mỹ	Số liệu PMI sản xuất và PMI dịch vụ tháng 10.2026

Hình 3: GIÁ TRỊ GIAO DỊCH HOSE TRONG 20 PHIÊN



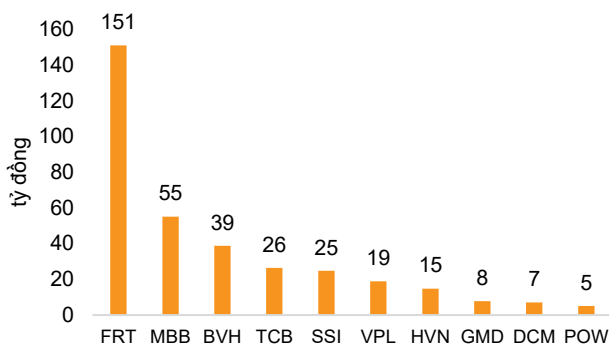
Nguồn: HoSE. VNDIRECT RESEARCH

Hình 4: MUA/BÁN RÒNG KHỐI NGOẠI HOSE TRONG 20 PHIÊN



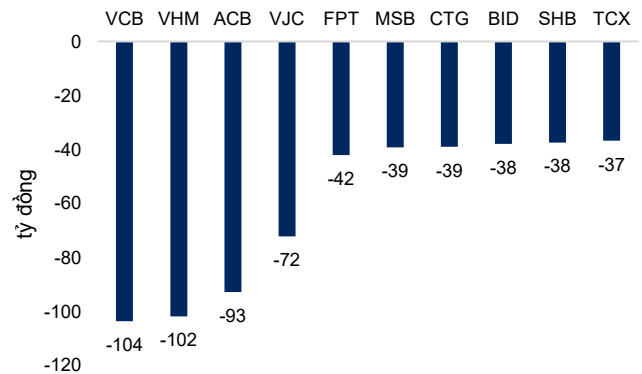
Nguồn: HoSE. VNDIRECT RESEARCH

Hình 5: TOP 10 MUA RÒNG TRONG NGÀY



Nguồn: FIINPRO. VNDIRECT RESEARCH

Hình 6: TOP 10 BÁN RÒNG TRONG NGÀY



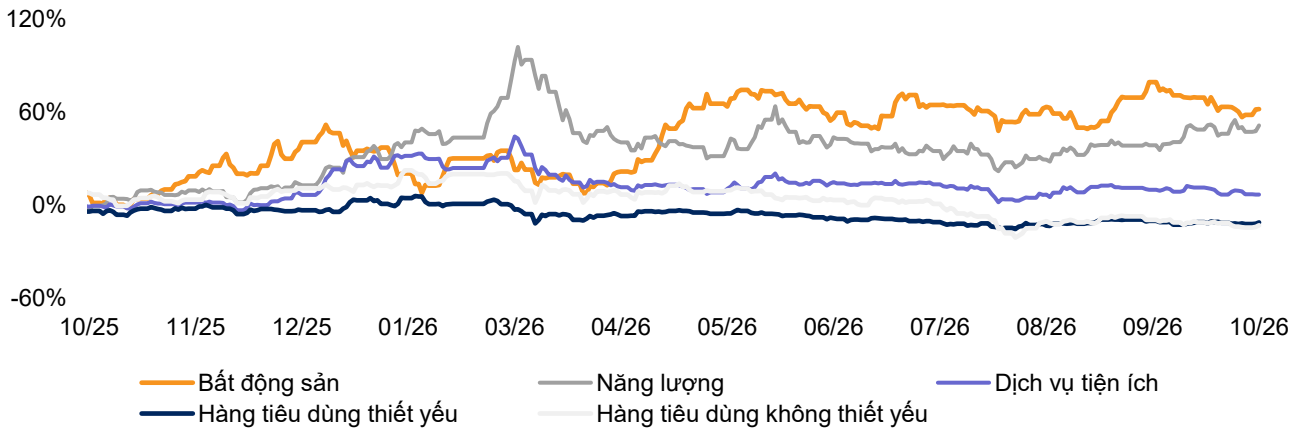
Nguồn: FIINPRO. VNDIRECT RESEARCH

Hình 7: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ TOÀN CẦU

Quốc gia	Chỉ số	1D (%)	YTD (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	GTGD TB 3T (triệu USD)	Lợi suất TPCP 5 năm	Vốn NN từ đầu năm	Tỷ giá (% MoM)	Tỷ giá (% Svck)
Trung Quốc	Shanghai Index	0,4%	-6,0%	16,2	1,5	8,7%	2,5%	136.590	1,4%	166.058	0,2%	6,6%
Ấn Độ	NSE500 Index	-1,1%	-7,7%	22,6	3,2	15,0%	1,3%	8.646	7,1%	-32.714	0,9%	-7,4%
Indonesia	JCI Index	-3,6%	-42,2%	11,5	1,4	12,2%	4,8%	741	7,2%	-5.063	-1,1%	-8,1%
Singapore	FSTAS Index	-0,1%	13,9%	18,6	1,6	9,5%	4,1%	1.539	2,1%	1.208	-0,3%	1,1%
Malaysia	FBME Index	-0,7%	-3,2%	14,4	1,4	10,1%	4,1%	629	3,6%	-1.743	-0,1%	3,5%
Philippines	PCOMP Index	0,5%	-6,9%	9,1	0,9	9,7%	4,0%	96	5,8%	-623	-0,4%	-7,8%
Thái Lan	SET Index	0,0%	24,9%	12,8	1,5	9,3%	4,4%	2.068	1,7%	514	-0,9%	-2,6%
Việt Nam	VN-Index	-0,9%	-5,3%	13,0	1,9	16,1%	2,0%	526	4,3%	-4.407	0,5%	1,7%

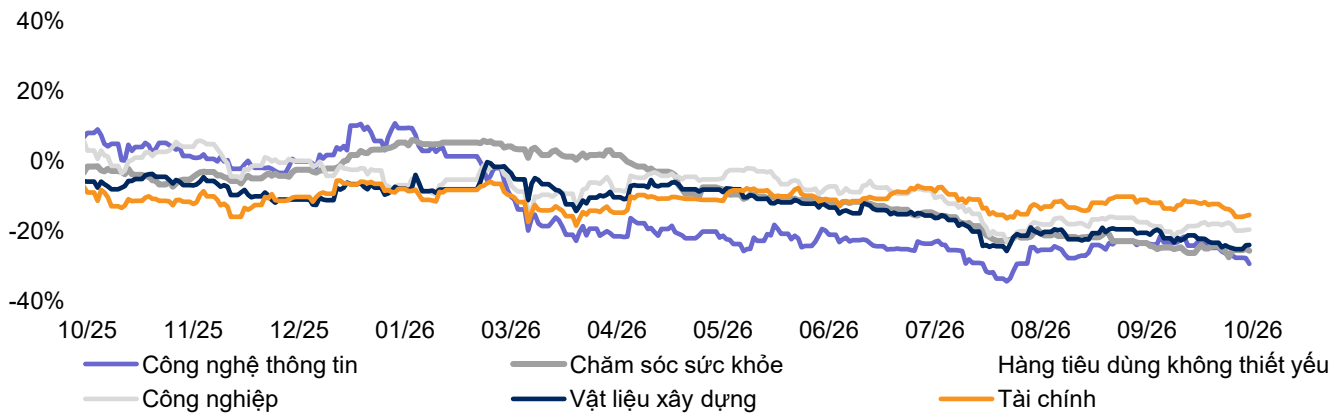
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 8: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN TRÊN)



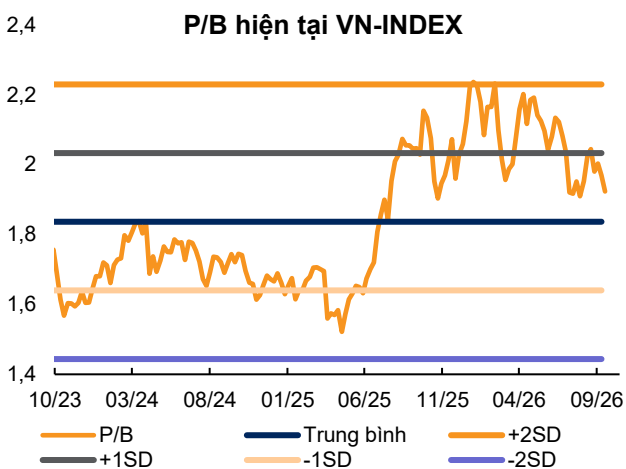
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 9: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN DƯỚI)



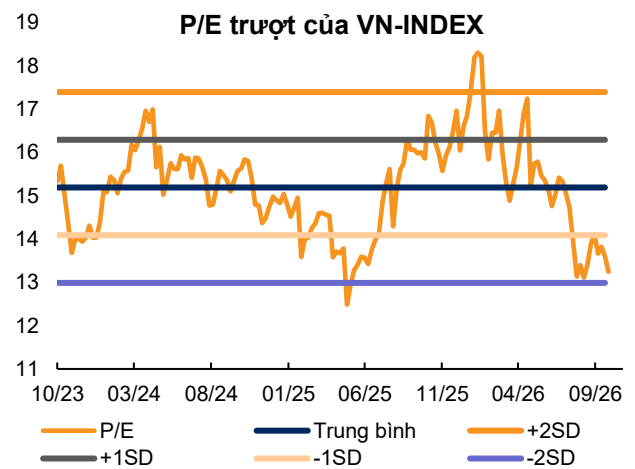
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 10: P/B HIỆN TẠI



Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 11: P/E TRƯỢT



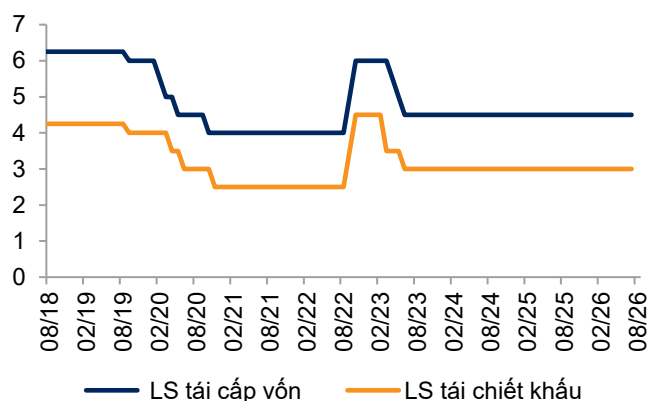
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 12: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	1D	1M	YTD	1Y
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	4,28	0,0	-0,4	31,6	35,9
Lợi suất TPCP Việt Nam 10 năm (%/năm)	4,47	0,0	0,1	10,5	18,7
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	4,15	-5,7	-42,0	151,5	-16,2
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	5,18	-3,0	-10,1	-37,2	-5,5
USD/VND	25.898	-0,1	0,5	1,5	1,7
DXY	101,90	0,1	1,7	3,6	3,5
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	5,08	0,2	1,7	22,0	26,8
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	4,82	0,5	-0,2	36,3	39,1

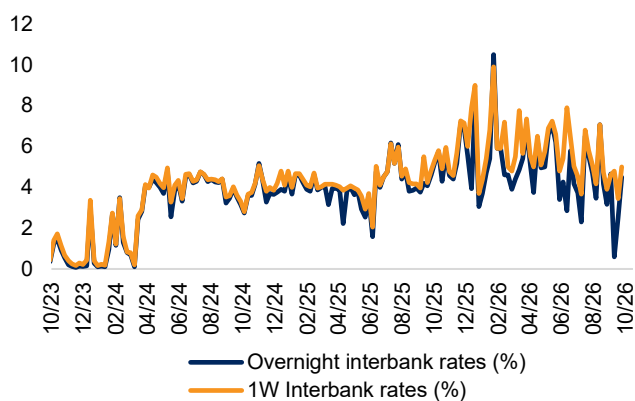
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 13: LÃI SUẤT CƠ BẢN NHNN VIỆT NAM



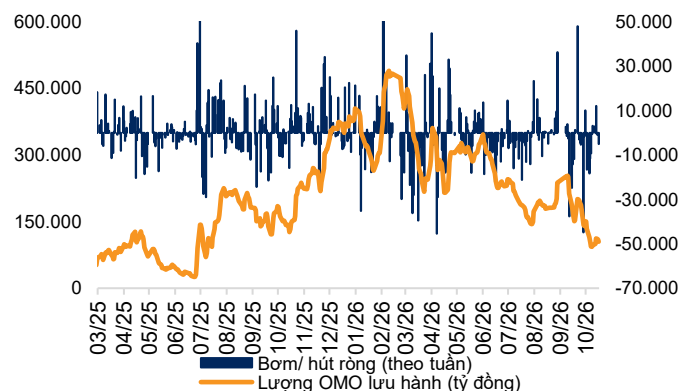
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 14: LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



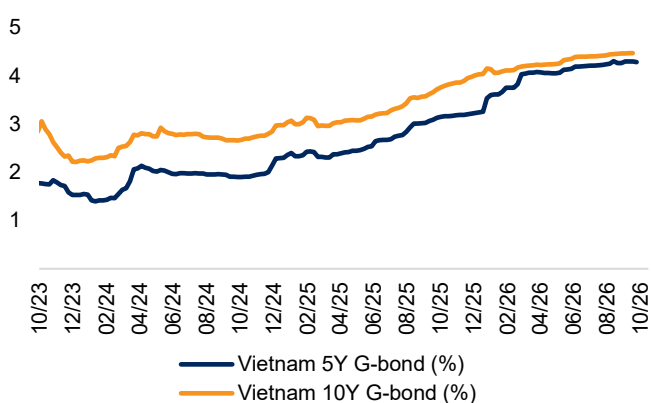
Nguồn: SBV. FIINPRO. VNDIRECT RESEARCH

Hình 15: NHNN BƠM/HÚT QUA KÊNH OMO



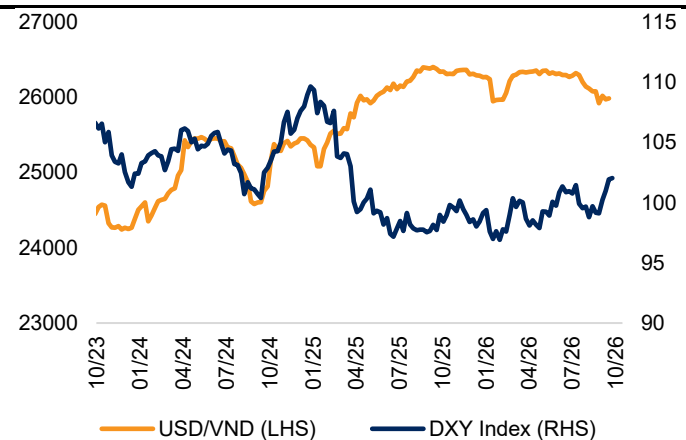
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ



Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: TỶ GIÁ



Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 19: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Năng lượng	1 ngày	1 tháng	1 năm
WTI	-0,7%	0,4%	75,0%
Brent Crude	-1,5%	4,1%	76,5%
JKM LNG	2,9%	12,9%	181,9%
Henry Hub LNG	2,8%	10,6%	173,7%
NW Thermal Coal	-5,0%	6,7%	-3,2%
Singapore Platt FO	0,1%	16,4%	102,8%

Kim loại quý	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vàng	0,3%	-4,5%	-2,8%
Vàng SJC trong nước			
Bạc	0,5%	-13,5%	14,9%
Bạch kim	0,8%	-9,1%	-6,4%

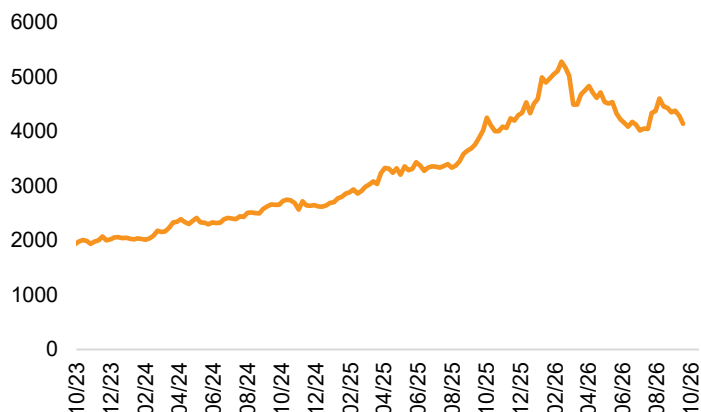
Kim loại cơ bản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vonfram	0,0%	-5,1%	330,2%
Đồng	-0,1%	-0,7%	32,2%
Nhôm	0,6%	-8,2%	7,6%
Niken	1,0%	-5,5%	0,2%
Kẽm	0,6%	-3,6%	16,8%
Chì	NA	NA	NA
Thép	0,0%	1,4%	-0,7%
Quặng sắt	-0,4%	-4,8%	-14,7%

Nông sản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Gạo	0,4%	11,2%	63,7%
Arabica	0,7%	4,5%	-22,6%
Đường	-1,4%	18,4%	32,6%
Cacao	-0,4%	5,5%	-4,7%
Dầu cọ	0,4%	-3,9%	NA
Bông	0,4%	3,7%	24,9%
Sữa bột	0,3%	-5,3%	-9,8%
Lúa mì	0,6%	-6,9%	32,0%
Đậu tương	0,0%	-3,2%	23,7%
Hạt điều	NA	0,0%	10,0%
Cao su	7,4%	3,3%	55,4%
Urê	0,0%	3,9%	8,8%

Chăn nuôi	1 ngày	1 tháng	1 năm
Heo hơi	0,5%	-14,9%	-19,0%
Gia súc	0,7%	4,2%	-6,7%

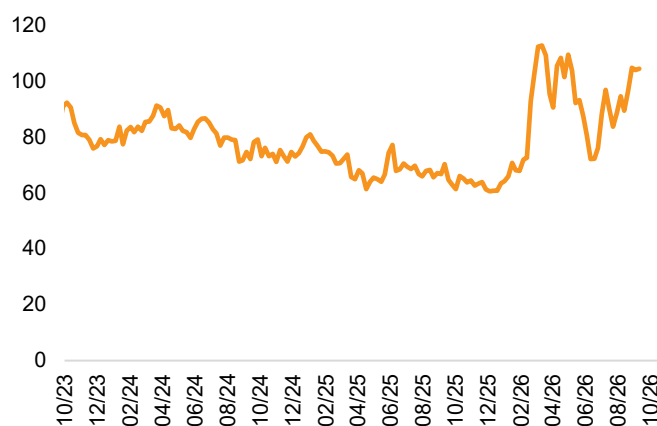
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: GIÁ VÀNG



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: GIÁ DẦU BRENT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 18: GIÁ QUẶNG SẮT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Danh mục cổ phiếu theo dõi của VNDIRECT RESEARCH

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	5.713	0,7	2.703	41.300	64.700	64,2%	1,3%	13,3	2,0	16%
AST	125	0,0	3	60.000	84.500	38,2%	1,4%	11,0	4,5	48%
HVN	2.541	0,7	549	21.150	43.400	104,8%	2,9%	14,4	7,0	
VJC	3.786	5,6	935	127.500	113.600	-10,4%	0,6%	44,5	3,7	9%
Bán lẻ										
BAF	436	2,2	202	30.950	35.600	35,0%		113,5	2,6	3%
DGW	392	2,7	79	45.450	49.600	42,7%	2,2%	12,0	2,7	25%
FRT	1.008	3,0	157	146.000	150.300	37,9%	0,2%	23,0	5,4	30%
MCH	7.058	2,9	6.271	139.800	165.000	21,3%	1,4%	25,9	9,7	39%
MWG	4.228	9,7	-2	74.200	125.700	42,7%	1,3%	11,1	3,1	30%
PNJ	366	10,2	82	18.500	N/A	N/A	3,6%	3,9	0,7	18%
QNS	717	0,4	292	50.500	53.400	13,1%	2,0%	8,2	1,5	19%
SAB	2.120	1,0	873	42.800	54.600	25,4%	7,0%	11,9	2,8	23%
VHC	416	0,7	343	51.400	72.400	36,6%	3,9%	7,9	1,1	15%
VNM	4.640	7,8	2.332	57.500	71.900	20,4%	3,2%	12,2	3,8	31%
Tài chính										
ACB	4.539	8,1	310	20.250	31.300	41,9%	3,1%	7,5	1,2	17%
BID	10.107	5,3	1.268	33.650	45.100	32,4%	1,3%	7,9	2,7	16%
CTG	9.147	9,2	508	30.500	40.200	70,2%	1,5%	5,9	1,2	22%
HDB	5.716	12,3	435	22.750	39.500	54,7%	2,2%	7,4	1,7	26%
LPB	4.435	5,0	155	38.450	33.400	-31,7%	7,8%	10,2	2,7	27%
MBB	7.659	10,2	74	19.700	32.900	51,5%	4,2%	6,4	1,3	22%
STB	4.499	9,5	870	61.800	73.000	-35,7%	1,0%	19,0	1,9	5%
TCB	9.098	19,7	205	33.250	39.200	40,2%	2,1%	8,7	1,3	16%
TPB	1.472	4,6	122	11.950	21.700	33,9%	3,6%	5,0	0,8	18%
VCB	18.132	9,9	1.829	56.200	67.100	29,2%	0,8%	11,3	1,9	18%
VIB	1.979	3,0	24	13.750	14.600	10,2%	6,0%	6,9	1,1	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	9.267	17,9	723	24.000	30.500	50,4%	1,7%	7,7	1,3	18%
Dệt may										
MSH	139	0,1	62	32.000	40.600	34,2%	3,1%	5,8	1,8	31%
TCM	67	0,6	1	14.700	20.000	20,8%	3,2%	8,7	0,7	8%
Khu công nghiệp										
BCM	1.567	1,1	527	39.200	68.400	81,5%	2,8%	21,4	1,9	9%
GMD	1.334	3,3	134	54.000	95.700	3,1%	2,7%	14,3	2,5	19%
HAH	357	1,6	92	49.100	55.400	27,6%	4,1%	7,0	1,8	27%
VSC	189	4,9	90	13.100	19.100	37,5%	3,8%	14,3	0,9	7%
IDC	546	1,6	188	33.900	58.000	44,5%	4,0%	6,5	2,1	35%
KBC	945	1,3	405	26.000	35.700	9,5%	1,4%	14,0	0,9	7%
PHR	304	0,8		32.250	68.400	22,4%	2,4%	8,4	1,7	22%
VTP	363	1,3	163	46.300	77.900	60,6%	1,5%	29,4	4,0	15%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	484	1,1	224	33.000	128.300	246,0%	24,2%	6,3	0,8	13%
HPG	6.700	17,2	1.830	20.550	33.300	53,5%	2,2%	7,6	1,2	17%
Dầu khí										
BSR	5.578	11,7	2.644	28.850	16.700	-27,2%	1,0%	7,3	1,9	30%
GAS	7.146	4,6	3.350	76.700	91.800	20,4%	3,3%	14,6	2,7	18%
OIL	515	1,0	33	12.900	14.800	13,2%	1,9%	37,6	1,3	3%
PLX	1.756	5,7	96	35.150	47.700	46,4%	3,4%	14,5	1,7	9%
PVD	634	3,0	266	17.700	23.000	37,8%	14,1%	17,0	1,0	5%
PVS	754	4,4	251	31.800	48.200	40,5%	1,7%	9,3	1,3	11%
PVT	481	5,0	160	24.100	24.200	44,0%	0,9%	8,7	1,3	15%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	558	2,5	261	21.250	22.700	6,6%	7,1%	8,5	1,3	14%
DCM	692	3,3	295	33.850	49.800	41,4%	5,9%	7,8	1,6	21%
DDV	96	0,3	-3	17.100	38.700	119,0%	9,9%	4,0	1,1	31%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	65	0,1		20.700	34.100	88,0%	2,4%	10,3	1,2	12%
Điện										
POW	1.451	9,9	775	14.550	14.400	0,1%	1,1%	17,6	1,2	7%
Điện và BĐS										
HDG	233	0,7	80	14.850	27.500	69,8%	3,1%	6,5	0,9	14%
PC1	295	0,0	123	18.550	30.800	43,3%	0,0%	7,5	1,1	16%
REE	1.084	0,7	0	45.050	66.600	41,1%	1,9%	10,6	1,3	13%
Bất động sản										
DXG	502	4,3	172	10.250	20.500	92,4%	19,5%	64,7	0,9	1%
KDH	502	3,1	132	14.150	35.700	104,0%	1,9%	10,7	0,9	9%
NLG	401	1,7	57	21.400	38.000	95,9%	2,3%	17,3	0,8	5%
VHM	19.127	24,1	8.348	60.300	80.200	3,3%	5,0%	6,3	1,9	33%
VRE	2.022	4,8	764	23.050	34.000	39,9%	4,3%	7,2	1,1	15%
Công nghệ										
FPT	4.158	15,5	871	57.100	186.000	41,7%	1,6%	10,7	2,7	27%
Xây dựng										
HHV	197	1,0	177	9.330	14.700	46,3%	0,0%	10,0	0,5	4,8%
Tài chính thay thế										
F88	502	0,4	383	56.200	93.100	24,3%	0,0%	16,8	5,1	39%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết. Thông tin trên báo cáo được công bố của công ty. Thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT. người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA

